

**Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2016



Building a better
working world

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 47

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS [tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS ("Công ty"), tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500469512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 2 tháng 6 năm 2005 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 15 vào ngày 11 tháng 11 năm 2016. Từ ngày 11 tháng 7 năm 2016, Công ty được đổi tên từ Công ty Cổ phần Vicostone thành Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh.

Công ty có trụ sở chính tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hồ Xuân Năng	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Quốc Trường	Thành viên	
Bà Nghiêm Thị Ngọc Diệp	Thành viên	
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2016
Bà Nguyễn Diệu Thúy Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Nga	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2016
Ông Trần Đăng Lợi	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2016

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lương Xuân Mẫn	Trưởng Ban kiểm soát	
Bà Trần Lan Phương	Thành viên	
Ông Nguyễn Quốc Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2016
Bà Nguyễn Diệu Thúy Ngọc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2016

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2016
Ông Hồ Xuân Năng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2016
Ông Phạm Trí Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lưu Công An	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quang Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2016
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2016
Ông Nguyễn Thế Thái	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Hồ Xuân Năng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Phạm Anh Tuấn được ông Hồ Xuân Năng ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo hồ sơ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo Giấy ủy quyền số 541/2016/UC – VCS vào ngày 15 tháng 12 năm 2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS [tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là "Công ty và công ty con") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc
Phạm Anh Tuấn

Ngày 16 tháng 2 năm 2017

Số tham chiếu: 60999244/18489728-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS ("Công ty"), tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone, và công ty con (sau đây gọi chung là "Công ty và công ty con"), được lập ngày 16 tháng 2 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 47, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Phú Sơn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0637-2013-004-1

Trần Thu Hà
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2499-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 16 tháng 2 năm 2017

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.729.081.767.293	2.010.925.147.284
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	433.971.607.316	295.395.072.292
111	1. Tiền		204.816.602.288	140.395.072.292
112	2. Các khoản tương đương tiền		229.155.005.028	155.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	6.153.333.333
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	6.153.333.333
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		699.403.325.617	496.457.054.880
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	685.811.581.102	478.153.302.025
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	11.942.373.761	17.606.902.913
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	28	50.129.329	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		2.356.286.894	4.909.908.094
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(757.045.469)	(4.213.058.152)
140	IV. Hàng tồn kho	7	1.458.170.374.347	1.122.033.575.196
141	1. Hàng tồn kho		1.478.805.743.829	1.155.791.173.210
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(20.635.369.482)	(33.757.598.014)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		137.536.460.013	90.886.111.583
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	3.120.538.968	2.838.769.757
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		134.415.921.045	88.047.341.826

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		608.848.996.604	770.555.114.830
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		30.000.000	30.000.000
216	1. Các khoản phải thu dài hạn khác		30.000.000	30.000.000
220	II. Tài sản cố định		548.377.023.352	597.265.777.339
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	533.661.513.018	580.229.244.316
222	Nguyên giá		1.178.284.256.783	1.159.584.234.054
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(644.622.743.765)	(579.354.989.738)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	14.715.510.334	17.036.533.023
228	Nguyên giá		25.593.215.497	25.633.815.497
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.877.705.163)	(8.597.282.474)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		4.674.389.078	123.070.832.393
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	4.674.389.078	123.070.832.393
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	38.248.003.359	35.207.382.225
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		38.248.003.359	35.207.382.225
260	V. Tài sản dài hạn khác		17.519.580.815	14.981.122.873
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	15.689.635.940	14.979.003.930
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.2	1.829.944.875	2.118.943
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.337.930.763.897	2.781.480.262.114

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.890.794.978.521	1.782.888.942.313
310	I. Nợ ngắn hạn		1.714.188.084.146	1.457.948.384.373
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	540.689.538.667	133.278.910.693
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		9.432.855.894	13.800.672.831
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	50.907.565.233	35.331.004.459
314	4. Phải trả người lao động		2.817.678.011	691.784.553
318	5. Doanh thu chưa thực hiện		9.149.724.373	14.126.287
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	536.697.775	85.424.252.886
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	1.083.352.550.815	1.178.560.448.863
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	17.301.473.378	10.847.183.801
330	II. Nợ dài hạn		176.606.894.375	324.940.557.940
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	176.047.133.246	324.227.719.567
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		559.761.129	712.838.373
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.447.135.785.376	998.591.319.801
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	1.447.135.785.376	998.591.319.801
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		600.000.000.000	529.992.510.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		600.000.000.000	529.992.510.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		60.800.000	322.060.800.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		-	(369.627.974.515)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		63.356.329.316	87.620.177.441
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		783.718.656.060	428.316.803.594
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		312.740.727.372	205.715.882.542
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm này		470.977.928.688	222.600.921.052
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	19	-	229.003.281
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.337.930.763.897	2.781.480.262.114

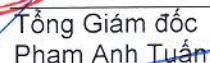


Người lập biểu
Nguyễn Phương Anh



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Nga




Tổng Giám đốc
Phạm Anh Tuấn

Ngày 16 tháng 2 năm 2017

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng	21.1	3.211.964.848.407	2.618.277.734.889
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	475.068.024	2.112.782.862
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	21.1	3.211.489.780.383	2.616.164.952.027
11	4. Giá vốn hàng bán	22	2.220.055.820.303	1.857.540.589.728
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10 - 11)		991.433.960.080	758.624.362.299
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	25.934.115.295	25.512.052.408
22	7. Chi phí tài chính	23	70.953.282.040	169.979.978.711
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		50.242.971.449	81.066.518.606
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết	11	3.854.482.424	5.724.536.337
25	9. Chi phí bán hàng	24	76.843.762.966	76.966.485.013
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	59.392.155.625	55.523.519.008
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) +24 - (25 + 26)}		814.033.357.168	487.390.968.312
31	12. Thu nhập khác		869.766.648	826.873.115
32	13. Chi phí khác		1.140.985.779	9.004.133.907
40	14. Lỗ khác (40 = 31 - 32)		(271.219.131)	(8.177.260.792)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		813.762.138.037	479.213.707.520
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	139.608.246.117	74.582.447.525
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	26.2	(1.827.825.932)	(2.118.943)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50 - 51 - 52)		675.981.717.852	404.633.378.938
61	18.1. Lãi thuộc về các cổ đông của Công ty mẹ		675.981.717.852	404.633.378.938
62	18.2. Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát	19	-	-
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	10.813	6.179
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	29	10.813	6.179



Người lập biểu
Nguyễn Phương Anh



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Nga




Tổng Giám đốc
Phạm Anh Tuấn

Ngày 16 tháng 2 năm 2017

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		813.762.138.037	479.213.707.520
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định		67.435.699.472	68.646.037.359
03	Điều chỉnh giảm các khoản dự phòng		(16.578.241.215)	(10.722.497.240)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		13.424.918.995	37.369.290.590
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(12.491.551.347)	(15.664.651.355)
06	Chi phí lãi vay	23	50.242.971.449	81.066.518.606
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		915.795.935.391	639.908.405.480
09	Tăng các khoản phải thu		(233.527.256.967)	(29.668.229.785)
10	Tăng hàng tồn kho		(47.657.999.088)	(204.972.842.238)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		356.252.170.802	(4.693.381.172)
12	Tăng chi phí trả trước		(5.635.150.221)	(3.200.734.318)
14	Tiền lãi vay đã trả		(50.242.971.449)	(81.066.518.606)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	26.1	(120.588.242.688)	(62.158.703.926)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(29.228.660.947)	(23.206.173.090)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		785.167.824.833	230.941.822.345
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(138.362.224.710)	(81.824.693.737)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(161.150.483)	(14.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		6.314.483.816	321.923.811.796
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		9.090.698.130	8.585.780.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		8.799.058.839	26.932.562.910
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(114.319.134.408)	261.617.460.969

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu		4.642.749.000	-
33	Tiền thu từ đi vay		1.568.640.501.271	1.775.277.336.036
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.829.927.542.985)	(1.879.879.559.769)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(275.186.472.700)	(169.571.493.275)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(531.830.765.414)	(274.173.717.008)
50	Tăng tiền thuần trong năm		139.017.925.011	218.385.566.306
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		295.395.072.292	77.338.056.411
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(441.389.987)	(328.550.425)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	5	433.971.607.316	295.395.072.292



Người lập biểu
Nguyễn Phương Anh



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Nga




Tổng Giám đốc
Phạm Anh Tuấn

Ngày 16 tháng 2 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS ("Công ty"), tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500469512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 2 tháng 6 năm 2005 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 15 vào ngày 11 tháng 11 năm 2016. Từ ngày 11 tháng 7 năm 2016, Công ty được đổi tên từ Công ty Cổ phần Vicostone thành Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và công ty con là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 614 (ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 585 nhân viên).

Cơ cấu tổ chức

Trong năm, Công ty có một công ty con là Công ty Cổ phần Khoáng sản Vico Quảng Trị.

Công ty Cổ phần Khoáng sản Vico Quảng Trị là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200384937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp ngày 14 tháng 7 năm 2009, với mức vốn điều lệ là 100 tỷ đồng Việt Nam. Địa chỉ đăng ký của công ty này đặt tại xã Hải Xuân, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của công ty này theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là khai thác, chế biến, mua bán khoáng sản; sản xuất mua bán vật liệu xây dựng.

Vào ngày 19 tháng 6 năm 2015, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng số 1906/2015/VCS - HKG để chuyển nhượng toàn bộ 1.717.156 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Vico Quảng Trị cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Khang với tổng giá chuyển nhượng là 17.171.560.000 đồng. Trong năm 2015, căn cứ theo hợp đồng chuyển nhượng này, Công ty đã nhận được khoản tạm ứng từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Khang với số tiền là 8.585.780.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Khang đã ký Biên bản Thỏa thuận không thực hiện và chấm dứt Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần này vào 25 tháng 3 năm 2016. Công ty đã tiến hành hoàn trả lại khoản tạm ứng đã nhận trong năm 2015.

Vào ngày 30 tháng 3 năm 2016, Công ty ký hợp đồng chuyển nhượng số 01/2016/VCS-NVD để chuyển nhượng toàn bộ 1.717.156 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Vico Quảng Trị cho ông Nguyễn Văn Dũng với giá chuyển nhượng là 17.171.560.000 đồng. Vào ngày 31 tháng 3 năm 2016, các thủ tục pháp lý liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng này đã được hoàn thành và do đó, kể từ ngày này, Công ty Cổ phần Khoáng sản Vico Quảng Trị không còn là công ty con của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.3 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

2.4 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa công ty mẹ và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán đã được áp dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--|---|---|
| Nguyên vật liệu và hàng hóa | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty và công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 15 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Tài sản cố định khác	5 - 8 năm
Phần mềm máy tính	5 - 12 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh lớn; và
- ▶ Chi phí khác.

3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, Công ty đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và không phân bổ dần lợi thế thương mại. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng niên độ với báo cáo tài chính của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Lợi nhuận chưa thực hiện tại ngày kết thúc niên độ tài chính của hàng hóa mà các công ty liên kết mua/bán với Công ty và công ty con được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày kết thúc năm tài chính.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các tổn thất nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

▶ **Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và công ty con.

▶ **Quỹ khen thưởng phúc lợi**

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

▶ **Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ này được trích lập để phục vụ việc nghiên cứu, thử nghiệm các nguyên vật liệu, hóa chất mới phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

3.15 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và công ty con được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc sản xuất và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh. Ban Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm mà Công ty xuất hàng bán.

4. CHUYỂN NHƯỢNG CÔNG TY CON TRONG NĂM

Chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Vico Quảng Trị - công ty con của Công ty

Vào ngày 30 tháng 3 năm 2016, Công ty ký hợp đồng chuyển nhượng số 01/2016/VCS-NVD để chuyển nhượng toàn bộ 1.717.156 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Vico Quảng Trị cho ông Nguyễn Văn Dũng với giá chuyển nhượng là 17.171.560.000 đồng. Vào ngày 31 tháng 3 năm 2016, các thủ tục pháp lý liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng này đã được hoàn thành và do đó, kể từ ngày này, Công ty Cổ phần Khoáng sản Vico Quảng Trị không còn là công ty con của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	368.026.848	236.226.806
Tiền gửi ngân hàng	204.448.575.440	140.158.845.486
Các khoản tương đương tiền	229.155.005.028	155.000.000.000
TỔNG CỘNG	433.971.607.316	295.395.072.292

Khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 - 3 tháng tại một số ngân hàng thương mại với mức lãi suất từ 4,5% - 5,5%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	411.153.198.863	300.776.886.615
- Công ty Pental Granite & Marble	167.091.883.482	94.869.049.440
- Công ty Australian Stone Design Marble Work	145.034.272.586	-
- Công ty WK Marble & Granite Pty Ltd	-	175.155.304.210
- Các khoản phải thu khách hàng khác	99.027.042.795	30.752.532.965
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	274.658.382.239	177.376.415.410
TỔNG CỘNG	685.811.581.102	478.153.302.025
Dự phòng phải thu ngắn hạn từ khách hàng	(757.045.469)	(2.467.728.903)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	8.054.658.118	12.579.213.953
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	3.887.715.643	5.027.688.960
TỔNG CỘNG	11.942.373.761	17.606.902.913

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng đang đi trên đường	26.704.251.421	-	36.923.516.159	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	110.092.084.679	-	162.387.381.159	-
Công cụ, dụng cụ	27.377.003.498	-	31.008.735.399	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	42.920.615.379	-	30.595.300.853	-
BĐS để bán đang xây dựng (*)	275.356.571.531	-	-	-
Thành phẩm	315.192.843.718	(20.635.369.482)	495.176.360.629	(33.757.598.014)
Hàng hóa	681.162.373.603	-	399.699.879.011	-
TỔNG CỘNG	1.478.805.743.829	(20.635.369.482)	1.155.791.173.210	(33.757.598.014)

(*) Đây là Dự án nhà thương mại bán cho cán bộ công nhân viên và khách hàng bên ngoài. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã quyết định chuyển nhượng Dự án cho Công ty Cổ Phần Phương Hoàng Xanh A&A – công ty mẹ của Công ty. Vào ngày 5 tháng 1 năm 2017, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội đã chấp thuận đề xuất về việc chuyển nhượng này theo Công văn thông báo số 06/TB-UBND. Cho năm tài chính 2016, Công ty đã vốn hóa chi phí lãi vay cho dự án này là 5.537.699.831 đồng (cho năm 2015 là: 1.857.114.265 đồng).

Công ty sử dụng một phần hàng tồn kho để cầm cố/thế chấp cho một số khoản vay ngắn hạn được trình bày tại Thuyết minh số 16.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	(33.757.598.014)	(45.138.389.170)
<i>Cộng:</i> Dự phòng trích lập trong năm	-	-
<i>Trừ:</i> Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	13.122.228.532	11.380.791.156
Số cuối năm (*)	<u>(20.635.369.482)</u>	<u>(33.757.598.014)</u>

(*) Đây là khoản dự phòng được trích lập cho một số sản phẩm đá Breston. Các sản phẩm này, theo đánh giá của Phòng Vật tư, Phòng Quản lý Chất lượng và Ban Kinh doanh của Công ty, có chất lượng bị giảm sút, lỗi thời và không đáp ứng được yêu cầu bán hàng và thị hiếu của người tiêu dùng.

Trong năm, một phần khoản dự phòng đã được sử dụng do bán được một số sản phẩm đã được trích lập dự phòng vào các năm trước.

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	154.495.713.403	959.647.054.593	27.271.624.778	12.619.443.184	5.550.398.096	1.159.584.234.054
- Mua trong năm	-	15.261.409.861	567.245.455	864.137.291	-	16.692.792.607
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.007.230.122	-	-	-	-	2.007.230.122
Số cuối năm	156.502.943.525	974.908.464.454	27.838.870.233	13.483.580.475	5.550.398.096	1.178.284.256.783
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	44.793.361.779	266.542.061.927	13.069.376.126	2.410.706.508	5.550.398.096	332.365.904.436
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số đầu năm	77.424.826.303	472.398.594.456	17.397.277.785	6.583.893.098	5.550.398.096	579.354.989.738
- Khấu hao trong năm	8.816.087.296	52.457.025.884	2.214.412.289	1.780.228.558	-	65.267.754.027
Số cuối năm	86.240.913.599	524.855.620.340	19.611.690.074	8.364.121.656	5.550.398.096	644.622.743.765
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	77.070.887.100	487.248.460.137	9.874.346.993	6.035.550.086	-	580.229.244.316
Số cuối năm	70.262.029.926	450.052.844.114	8.227.180.159	5.119.458.819	-	533.661.513.018
Trong đó:						
Tài sản sử dụng để cầm cố/thế chấp (*)	51.074.692.270	439.669.442.237	5.390.414.070	2.155.887.456	-	498.290.436.033

(*) Các tài sản được sử dụng để cầm cố/thế chấp cho một số khoản vay ngắn hạn và dài hạn được trình bày tại Thuyết minh số 16.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tài sản cố định vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	25.595.815.497	38.000.000	25.633.815.497
- Giảm do chuyển nhượng công ty con trong năm	(40.600.000)	-	(40.600.000)
Số cuối năm	25.555.215.497	38.000.000	25.593.215.497
<i>Trong đó:</i>			
Đã hao mòn hết	191.967.400	38.000.000	229.967.400
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	8.559.282.474	38.000.000	8.597.282.474
- Hao mòn trong năm	2.321.022.689	-	2.321.022.689
- Giảm do chuyển nhượng công ty con trong năm	(40.600.000)	-	(40.600.000)
Số cuối năm	10.839.705.163	38.000.000	10.877.705.163
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	17.036.533.023	-	17.036.533.023
Số cuối năm	14.715.510.334	-	14.715.510.334
<i>Trong đó:</i>			
Tài sản sử dụng để cầm cố/thế chấp (*)	14.072.784.468	-	14.072.784.468

(*) Các tài sản được sử dụng để cầm cố/thế chấp cho một số khoản vay dài hạn được trình bày tại Thuyết minh số 16.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Sửa chữa tài sản cố định	2.838.277.753	8.158.068.284
Xây dựng cơ bản dở dang (*)	1.407.876.759	113.629.460.921
Mua sắm	428.234.566	1.283.303.188
TỔNG CỘNG	4.674.389.078	123.070.832.393

(*) Như được trình bày ở Thuyết minh số 7, trong năm, Công ty đã phân loại Dự án nhà ở cho cán bộ công nhân viên với tổng giá trị là 275.356.571.531 VND sang Hàng tồn kho. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã quyết định chuyển nhượng Dự án cho Công ty Cổ Phần Phương Hoàng Xanh A&A – công ty mẹ của Công ty. Vào ngày 5 tháng 1 năm 2017, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội đã chấp thuận đề xuất về việc chuyển nhượng này theo Công văn thông báo số 06/TB-UBND.

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị ghi sổ (VND)	Số lượng (cổ phiếu)	Dự phòng	Giá trị hợp lý (VND)	Số lượng (cổ phiếu)	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết (*)	38.248.003.359	2.044.800	-	48.870.720.000	2.044.800	-
TỔNG CỘNG	38.248.003.359	2.044.800	-	48.870.720.000	2.044.800	-

(*) Giá cổ phiếu để xác định giá trị hợp lý của công ty liên kết là giá đóng cửa ngày giao dịch cuối cùng trong năm tại sàn UPCOM – sàn giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết.

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu (%)	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam	31,40%	31,40%

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0303000640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 13 tháng 2 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 9 được cấp ngày 12 tháng 6 năm 2014. Địa chỉ đăng ký của công ty này đặt tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là gia công, chế tác và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, tỷ lệ vốn góp của Công ty trong Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam là 31,4%.

Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này như sau:

	Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam
Số đầu năm	35.207.382.225
Phần lãi trong công ty liên kết	3.854.482.424
Giảm do biến động của vốn chủ sở hữu nhưng không phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	(813.861.290)
Số cuối năm	38.248.003.359

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	1.580.901.792	1.810.725.990
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.539.637.176	1.028.043.767
	3.120.538.968	2.838.769.757
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước (*)	7.211.725.528	7.486.457.929
Công cụ, dụng cụ	2.174.060.957	3.604.206.047
Chi phí sửa chữa TSCĐ	1.547.608.434	544.731.650
Chi phí làm đường	203.224.052	690.961.778
Chi phí trả trước dài hạn khác	4.553.016.969	2.652.646.526
	15.689.635.940	14.979.003.930

(*) Đây là khoản thanh toán lần 2 tiền thuê 27.451 m² đất tại Lô 2A, Khu công nghiệp Bắc Phú Cát theo hợp đồng thuê hoạt động số 10/VC/HĐKT-TLĐKCNBPC ngày 30 tháng 5 năm 2008 với thời hạn thuê là 48 năm 7 tháng 19 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Tổng giá trị hợp đồng và thông tin chi tiết được trình bày ở Thuyết minh số 30.

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn				
- SHCP Pte, Ltd.	-	-	17.017.560.000	17.017.560.000
- Etemal Materials Co., Ltd.	80.020.248.000	80.020.248.000	15.450.864.000	15.450.864.000
- Phải trả cho các đối tượng khác	108.316.406.534	108.316.406.534	95.909.547.592	95.909.547.592
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	352.352.884.133	352.352.884.133	4.900.939.101	4.900.939.101
TỔNG CỘNG	540.689.538.667	540.689.538.667	133.278.910.693	133.278.910.693
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 26.1)	24.414.290.759	139.608.246.117	(120.588.242.688)	43.434.294.188
Thuế nhập khẩu	8.623.449.997	20.953.933.277	(24.608.878.810)	4.968.504.464
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước khác	2.293.263.703	69.832.430.593	(69.620.927.715)	2.504.766.581
TỔNG CỘNG	35.331.004.459	230.394.609.987	(214.818.049.213)	50.907.565.233

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	478.091.425	84.867.160.125
Kinh phí công đoàn	48.206.900	135.509.064
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.399.450	32.608.448
Bảo hiểm xã hội	-	341.217.964
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	47.757.285
TỔNG CỘNG	536.697.775	85.424.252.886
Trong đó:		
Phải trả khác	536.697.775	23.949.610.886
Phải trả khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	-	61.474.642.000

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn	1.178.560.448.863	1.178.560.448.863	1.645.536.631.988	1.740.744.530.036	1.083.352.550.815	1.083.352.550.815	
Vay dài hạn	324.227.719.567	324.227.719.567	29.158.919.283	177.339.505.604	176.047.133.246	176.047.133.246	
TỔNG CỘNG	1.502.788.168.430	1.502.788.168.430	1.674.695.551.271	1.918.084.035.640	1.259.399.684.061	1.259.399.684.061	

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

16.1 Các khoản vay ngắn hạn

Bên cho vay	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (VND)	Nguyên tệ (USD)	Kỳ hạn trả gốc và lãi
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công	230.242.503.153	10.105.003	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 1 năm 2017 đến tháng 8 năm 2017
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thạch Thất	183.812.554.931	8.065.492	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 1 năm 2017 đến tháng 9 năm 2017
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	115.613.430.731	5.075.216	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 1 năm 2017 đến tháng 8 năm 2017
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Tây Hà Nội	113.239.555.479	4.968.826	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 1 năm 2017 đến tháng 8 năm 2017
Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Thiên Long	112.484.969.235	4.935.716	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 1 năm 2017 đến tháng 9 năm 2017
Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Thiên Long – Vay VND	66.185.284.973	-	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 1 năm 2017 đến tháng 2 năm 2017
Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Chi nhánh sở giao dịch	64.491.554.233	2.827.337	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 3 năm 2017 tới tháng 9 năm 2017
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	63.743.913.600	2.794.560	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 1 năm 2017 đến tháng 7 năm 2017
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Láng Hòa Lạc	62.394.784.480	2.739.016	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 1 năm 2017 đến tháng 5 năm 2017
Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Hà Thành	5.244.000.000	230.000	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả trong tháng 8 năm 2017
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội - Khoản vay dài hạn đến hạn trả	56.950.000.000	2.500.000	Lãi và gốc vay trả hàng quý đến ngày 25 tháng 12 năm 2017
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội - Khoản vay dài hạn đến hạn trả - Vay VND	2.800.000.000	-	Lãi và gốc vay trả hàng quý đến ngày 25 tháng 12 năm 2017
Vay ngắn hạn khác	6.150.000.000	-	Lãi và gốc phải trả vào ngày 27 tháng 6 năm 2017
TỔNG CỘNG	1.083.352.550.815	44.241.166	

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

16.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 6 năm 2016 (VND)	Nguyên tệ (USD)	Kỳ hạn trả gốc và lãi
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	171.673.735.734	7.536.160	Lãi và gốc vay trả hàng quý từ ngày 25 tháng 3 năm 2018 đến ngày 25 tháng 6 năm 2019
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	4.373.397.512	-	Lãi và gốc vay trả hàng quý từ ngày 25 tháng 3 năm 2018 đến ngày 25 tháng 6 năm 2019
TỔNG CỘNG	176.047.133.246	7.536.160	

17. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	10.847.183.801	10.936.183.801
Trích quỹ trong năm (Thuyết minh số 18.1)	35.682.950.524	21.695.319.639
Sử dụng quỹ trong năm	(29.228.660.947)	(21.784.319.639)
Số cuối năm	17.301.473.378	10.847.183.801

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS [tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Năm trước	Vốn góp				Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
	Số đầu năm	Tích lập quỹ đầu tư phát triển	Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	Lợi nhuận trong năm					
Số đầu năm	529.992.510.000	-	-	-	322.060.800.000	(369.627.974.515)	74.206.955.556	228.935.077.307	785.567.368.348
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	12.231.240.553	(12.231.240.553)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(21.695.319.639)	(21.695.319.639)
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	404.633.378.938	404.633.378.938
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(169.597.804.000)	(169.597.804.000)
- Biến động khác	-	-	-	-	-	-	1.181.981.332	(1.727.288.459)	(545.307.127)
Số cuối năm	529.992.510.000	-	-	-	322.060.800.000	(369.627.974.515)	87.620.177.441	428.316.803.594	998.362.316.520
Năm nay									
Số đầu năm	529.992.510.000	-	-	-	322.060.800.000	(369.627.974.515)	87.620.177.441	428.316.803.594	998.362.316.520
- Tái phát hành cổ phiếu quỹ (*)	-	-	-	-	(322.000.000.000)	369.627.974.515	(47.627.974.515)	-	-
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển (**)	-	-	-	-	-	-	22.879.853.305*	(22.879.853.305)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (**)	-	-	-	-	-	-	-	(35.682.950.524)	(35.682.950.524)
- Chia cổ tức (**)	-	-	-	-	-	-	-	(190.797.404.000)	(190.797.404.000)
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	675.981.717.852	675.981.717.852
- Chia cổ phiếu thưởng(**)	70.007.490.000	-	-	-	-	-	-	(70.007.490.000)	-
- Biến động khác	-	-	-	-	-	-	484.273.085	(1.212.167.557)	(727.894.472)
Số cuối năm	600.000.000.000	-	-	-	60.800.000	-	63.356.329.316	783.718.656.060	1.447.135.785.376

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS [tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Công ty đã chia 10.599.800 cổ phiếu quỹ cho các cổ đông hiện hữu trích từ Thặng dư vốn cổ phần và Quỹ đầu tư phát triển được thực hiện theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 số 01/2016/NQ/VCS-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 3 năm 2016, Nghị quyết số 09/2016/NQ/VCS-HĐQT của Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 11 tháng 4 năm 2016 và Nghị quyết số 11/2016/NQ/VCS-HĐQT của Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 15 tháng 4 năm 2016.

(**) Việc trích lập các quỹ, trả cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế năm 2015, 2016, tạm ứng cổ tức trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2016 được thực hiện theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 số 01/2016/NQ/VCS-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 3 năm 2016, Nghị quyết số 11/2016/NQ/VCS-HĐQT vào ngày 15 tháng 4 năm 2016, Nghị quyết số 26/2016/NQ/VCS-HĐQT vào ngày 30 tháng 8 năm 2016 và Nghị quyết số 29/2016/NQ/VCS-HĐQT vào ngày 14 tháng 9 năm 2016 của Hội đồng Quản trị của Công ty.

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Chi tiết vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông
Vốn góp cổ đông	600.000.000.000	60.000.000	529.992.510.000	52.999.251
Vốn góp của Công ty Cổ phần Phụng Hoàng Xanh A&A, công ty mẹ	434.933.430.000	43.493.343	307.373.210.000	30.737.321
Vốn góp của các đối tượng khác	165.066.570.000	16.506.657	222.619.300.000	22.261.930
Thặng dư vốn cổ phần	60.800.000	-	322.060.800.000	-
Cổ phiếu quỹ	-	-	(369.627.974.515)	(10.599.800)
TỔNG CỘNG	600.060.800.000	60.000.000	482.425.335.485	42.399.451

18.3 Cổ tức

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm	260.804.894.000	169.597.804.000
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	260.804.894.000	169.597.804.000
Cổ tức cho năm 2016 (VND 4.000/cổ phiếu)	190.797.404.000	-
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ phát hành 7.000.749/52.999.251 mệnh giá/cổ phiếu)	70.007.490.000	-
Cổ tức cho năm 2015 (VND 4.000/cổ phiếu)	-	169.597.804.000
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	-	-
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ tức trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.4 Cổ phiếu

	<i>Số cuối năm Số lượng</i>	<i>Số đầu năm Số lượng</i>
Cổ phiếu đã được duyệt	60.000.000	52.999.251
Cổ phiếu đã phát hành	60.000.000	52.999.251
<i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>	<i>60.000.000</i>	<i>52.999.251</i>
Cổ phiếu phổ thông	60.000.000	52.999.251
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	(10.599.800)
<i>Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ</i>	<i>-</i>	<i>(10.599.800)</i>
Cổ phiếu phổ thông	-	(10.599.800)
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	60.000.000	42.399.451
Cổ phiếu phổ thông	60.000.000	42.399.451
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VND 10.000/cổ phiếu (31 tháng 12 năm 2015: VND 10.000/cổ phiếu).

19. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Đơn vị tính: VND

*Công ty Cổ phần
Khoáng sản Vico
Quảng Trị*

Năm trước

Số đầu năm	229.003.281
Số cuối năm	229.003.281

Năm nay

Số cuối năm	229.003.281
- Giảm do chuyển nhượng công ty con trong năm	(229.003.281)
Số cuối năm	-

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (US\$)	6.752.934	5.195.283
- Euro (EUR)	1.090.643	505.614

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	3.211.964.848.407	2.618.277.734.889
<i>Doanh thu bán hàng</i>	<i>3.211.964.848.407</i>	<i>2.618.277.734.889</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu	(475.068.024)	(2.112.782.862)
<i>Giảm giá hàng bán</i>	<i>(475.068.024)</i>	<i>(2.112.782.862)</i>
Doanh thu thuần	<u>3.211.489.780.383</u>	<u>2.616.164.952.027</u>

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi chênh lệch tỷ giá	17.297.046.372	15.571.937.390
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.365.388.923	9.940.115.018
Cổ tức được chia	3.271.680.000	-
TỔNG CỘNG	<u>25.934.115.295</u>	<u>25.512.052.408</u>

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn đá thành phẩm đã bán	1.743.734.610.881	1.384.027.274.880
Giá vốn hàng hóa đã bán	500.557.113.682	498.239.114.241
Thu nhập từ hoàn thuế nhập khẩu	(13.137.477.303)	(11.988.127.043)
Sử dụng dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(10.776.200.411)	(11.380.791.156)
Giá vốn khác	(322.226.546)	(1.356.881.194)
TỔNG CỘNG	<u>2.220.055.820.303</u>	<u>1.857.540.589.728</u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	50.242.971.449	81.066.518.606
Lỗ chênh lệch tỷ giá	20.710.310.591	88.913.460.105
TỔNG CỘNG	<u>70.953.282.040</u>	<u>169.979.978.711</u>

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
- Chi phí vận chuyển xếp dỡ	53.908.449.538	56.724.208.380
- Chi phí đóng hàng	6.771.598.645	5.765.085.377
- Chi phí bán hàng khác	16.163.714.783	14.477.191.256
TỔNG CỘNG	<u>76.843.762.966</u>	<u>76.966.485.013</u>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
- Chi phí lương quản lý	23.919.578.005	26.145.130.884
- Chi phí khấu hao	8.188.359.761	8.157.887.278
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	27.284.217.859	21.220.500.846
TỔNG CỘNG	<u>59.392.155.625</u>	<u>55.523.519.008</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa	1.938.081.847.273	1.836.681.430.973
Chi phí nhân công	81.348.818.257	79.520.293.561
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	67.435.699.472	68.646.037.359
Chi phí dịch vụ mua ngoài	96.740.007.751	98.304.254.831
Chi phí khác bằng tiền	17.577.220.951	14.239.596.893
TỔNG CỘNG	2.201.183.593.704	2.097.391.613.617

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Đối với Công ty mẹ:

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") như sau:

Đối với hoạt động bán sản phẩm của nhà máy 1:

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho hoạt động này là 15% lợi nhuận chịu thuế trong 12 năm bắt đầu từ khi Công ty đi vào hoạt động từ năm 2005 đến năm 2016, và 20% lợi nhuận chịu thuế trong các năm tiếp theo.

Công ty được miễn thuế TNDN trong 3 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (năm 2006 đến năm 2008) và được giảm 50% thuế suất thuế TNDN trong 7 năm tiếp theo. Theo đó, thuế TNDN áp dụng cho hoạt động này trong năm là 15% lợi nhuận chịu thuế.

Đối với hoạt động bán sản phẩm của nhà máy 2 và hoạt động thương mại:

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho thu nhập từ các hoạt động này là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Đối với công ty con:

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty Cổ phần Khoáng sản Vico Quảng Trị là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.1 Chi phí thuế TNDN

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	139.608.246.117	62.562.491.526
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu của năm trước	-	12.019.955.999
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	(1.827.825.932)	(2.118.943)
TỔNG CỘNG	<u>137.780.420.185</u>	<u>74.580.328.582</u>

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	813.762.138.037	479.213.707.520
Thuế TNDN theo mức thuế suất áp dụng cho Công ty	137.753.956.962	84.172.393.135
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Khoản phạt nộp chậm	211.732.922	1.803.328.727
Các khoản chi phí không được khấu trừ	515.294.358	660.972.010
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện đánh giá lại cuối năm các khoản tiền, phải thu	81.908.814	12.537.341
Điều chỉnh cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính	(770.896.485)	(1.137.973.150)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	12.019.955.999
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước đã thực hiện trong năm nay	(11.576.386)	(71.032.175)
Thuế TNDN được miễn, giảm	-	(22.879.853.305)
Chi phí thuế TNDN	<u>137.780.420.185</u>	<u>74.580.328.582</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.2 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</i>				
Ảnh hưởng của giao dịch nội bộ được cần trừ khi hợp nhất	1.829.944.875	2.118.943	(1.827.825.932)	(2.118.943)
	1.829.944.875	2.118.943	(1.827.825.932)	(2.118.943)

27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về địa điểm mà Công ty xuất hàng bán.

Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo địa điểm địa lý nơi Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một thị trường kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

27.1. Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu và một số tài sản của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty và công ty con như sau:

Đơn vị tính: VND

	Hoạt động kinh doanh trong nước	Hoạt động kinh doanh xuất khẩu	Tổng cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày			
Doanh thu			
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	640.052.954.654	2.571.911.893.753	3.211.964.848.407
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu	640.052.954.654	2.571.911.893.753	3.211.964.848.407
Kết quả			
Lợi nhuận gộp của bộ phận	52.316.661.670	911.944.260.278	964.260.921.948
Giá vốn hàng bán không phân bổ	-	-	(27.173.038.132)
Lợi nhuận gộp về bán hàng	-	-	991.433.960.080
Thu nhập, chi phí không phân bổ	-	-	(177.671.822.043)
Lợi nhuận thuần trước thuế	-	-	813.762.138.037
Chi phí thuế TNDN	-	-	(139.608.246.117)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	-	-	1.827.825.932
Lợi nhuận thuần sau thuế	-	-	675.981.717.852
Tài sản và nợ phải trả			
Tài sản bộ phận	49.240.242.967	635.814.292.666	685.054.535.633
Tài sản không phân bổ	-	-	2.652.876.228.264
Tổng tài sản	-	-	3.337.930.763.897
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	1.890.794.978.521
Tổng nợ phải trả	-	-	1.890.794.978.521
Các thông tin bộ phận khác			
Chi phí hình thành tài sản cố định hữu hình	-	-	18.700.022.729
Khấu hao	-	-	67.588.776.716
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày			
Doanh thu			
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	557.690.870.915	2.060.586.863.974	2.618.277.734.889
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu	557.690.870.915	2.060.586.863.974	2.618.277.734.889
Kết quả			
Lợi nhuận gộp của bộ phận	16.552.498.431	713.146.699.497	729.699.197.928
Giá vốn hàng bán không phân bổ	-	-	(28.925.164.371)
Lợi nhuận gộp về bán hàng	-	-	758.624.362.299
Thu nhập, chi phí không phân bổ	-	-	(279.410.654.779)
Lợi nhuận thuần trước thuế	-	-	479.213.707.520
Chi phí thuế TNDN	-	-	(74.582.447.525)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	-	-	2.118.943
Lợi nhuận thuần sau thuế	-	-	404.633.378.938
Tài sản và nợ phải trả			
Tài sản bộ phận	3.933.128.894	471.752.444.228	475.685.573.122
Tài sản không phân bổ	-	-	2.305.794.688.992
Tổng tài sản	-	-	2.781.480.262.114
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	1.782.888.942.313
Tổng nợ phải trả	-	-	1.782.888.942.313
Các thông tin bộ phận khác			
Chi phí hình thành tài sản cố định hữu hình	-	-	10.264.683.486
Khấu hao	-	-	68.702.778.929

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

27.1. Bộ phận theo khu vực địa lý (tiếp theo)

Các khoản giá vốn hàng bán không phân bổ chủ yếu bao gồm hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho và một số giá vốn khác không phân bổ được theo khu vực địa lý.

Các khoản thu nhập và chi phí ngoài giá vốn hàng bán, các tài sản ngoài nợ phải thu khách hàng và dự phòng phải thu tương ứng và các khoản nợ phải trả, do không xác định được mục đích cho từng hoạt động mà không phân bổ theo khu vực địa lý.

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Style Stone	Công ty cùng chủ sở hữu	Mua hàng hóa	799.836.029.300	741.037.034.238
		Doanh thu bán nguyên vật liệu, vật tư, thành phẩm	241.370.751.541	418.454.676.626
		Thu hồi đầu tư cho vay ngắn hạn		- 297.923.811.796
		Lãi vay phải thu		- 8.379.774.789
Công ty TNHH Stylenquaza	Công ty cùng chủ sở hữu	Doanh thu thành phẩm, vật tư	365.242.168.280	311.102.430.270
Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam	Công ty liên kết	Doanh thu thành phẩm, vật tư	124.263.880.361	45.980.252.355
		Mua vật tư, thành phẩm	126.384.696.319	73.278.721.626
		Phí gia công phục vụ sản xuất	30.388.500	169.782.942
		Phí thuê xe	15.500.000	-
		Phí thuê nhà xưởng	960.000.000	960.000.000
		Cổ tức nhận được	3.271.680.000	-
		Cho vay ngắn hạn	-	5.000.000.000
Thu nợ gốc vay	-	5.000.000.000		
Công ty Cổ phần Phương Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ	Doanh thu bán nguyên vật liệu, vật tư	257.351.324.796	92.943.524.705
		Mua hàng hóa	363.715.759.080	-
		Cổ tức phải trả	138.311.796.000	122.949.284.000
		Trả cổ tức bằng tiền	199.786.438.000	122.949.284.000
		Trả cổ tức bằng cổ phiếu	50.747.660.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án VPM Hà Nội	Công ty cùng công ty mẹ	Chi phí thi công xây dựng	53.362.256.522	6.276.770.445
Công ty Cổ phần Trung tâm Sec G3	Công ty cùng công ty mẹ	Mua tài sản cố định	-	680.203.027
		Doanh thu bán hàng	3.692.544.110	-
		Thuê mặt bằng	667.967.400	-
Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và Công nghệ Sitech Toàn cầu	Công ty cùng công ty mẹ	Thanh toán tiền dịch vụ	144.299.000	52.257.000

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua/bán hàng/dịch vụ cho các bên liên quan theo mức giá niêm yết thông thường, mức giá này được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm cuối năm tài chính không cần bảo đảm, không có lãi suất (ngoại trừ khoản phải thu về cho vay ngắn hạn) và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc cần trừ công nợ. Các khoản phải thu từ bên liên quan như được trình bày ở Thuyết minh số 6.1 có thời hạn thanh toán từ 3 đến 12 tháng. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm tài chính thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 6.1)</i>				
Công ty TNHH Stylenquaza	Công ty cùng chủ sở hữu	Phải thu về bán đá thành phẩm	238.555.698.877	177.376.415.410
Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam	Công ty liên kết	Phải thu về bán nguyên vật liệu	36.102.683.362	-
			<u>274.658.382.239</u>	<u>177.376.415.410</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 6.2)</i>				
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án VPM Hà Nội	Công ty cùng chủ sở hữu	Tạm ứng đầu tư XDCB	3.835.458.643	4.975.431.960
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Công nghệ Sitech Toàn cầu	Công ty cùng chủ sở hữu	Tạm ứng tiền dịch vụ	52.257.000	52.257.000
			<u>3.887.715.643</u>	<u>5.027.688.960</u>

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

			Đơn vị tính: VND	
	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khác từ bên liên quan				
Công ty Cổ phần Phụng Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ	Phải thu khác	-	34.745.439
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án VPM Hà Nội	Công ty cùng chủ sở hữu	Phải thu lãi vay	-	206.666.666
			-	241.412.105
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 13)				
Công ty Cổ phần Style Stone	Công ty cùng chủ sở hữu	Phải trả về mua đá thành phẩm	157.052.363.211	4.120.975.133
Công ty Cổ phần Phụng Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ	Phải trả tiền mua đá thành phẩm	177.403.232.944	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án VPM Hà Nội	Công ty cùng chủ sở hữu	Phải trả tiền thi công xây dựng	17.775.815.779	31.740.638
Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và công nghệ Sitetech Toàn Cầu	Công ty cùng chủ sở hữu	Phải trả về tư vấn thiết kế	97.899.089	-
Công ty Cổ phần Trung tâm Sec G3	Công ty cùng chủ sở hữu	Phải trả tiền văn phòng phẩm, tài sản cố định	23.573.110	748.223.330
			352.352.884.133	4.900.939.101
Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 15)				
Công ty Cổ phần Phụng Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ	Cổ tức phải trả	-	61.474.642.000
			-	61.474.642.000

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	10.743.535.567	10.035.428.169
TỔNG CỘNG	10.743.535.567	10.035.428.169

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	675.981.717.852	404.633.378.938
Trích quỹ khen, thưởng phúc lợi (*)	(27.177.400.303)	(33.911.219.245)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	648.804.317.549	370.722.159.693
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) được điều chỉnh để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	60.000.000	60.000.000
Lãi trên cổ phiếu		
- <i>Lãi cơ bản</i>	<i>10.813</i>	<i>6.179</i>
- <i>Lãi suy giảm</i>	<i>10.813</i>	<i>6.179</i>

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối. Dự trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 căn cứ theo Nghị quyết số 01/2016/NQ/VCS-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 30 tháng 3 năm 2016.

(**) Như được trình bày ở Thuyết minh số 18, Công ty đã chia 10.599.800 cổ phiếu quỹ cho các cổ đông hiện hữu trích từ Thặng dư vốn cổ phần và Quỹ đầu tư phát triển. Đồng thời, Công ty cũng trả cổ tức trong năm bằng 7.000.749 cổ phiếu phổ thông. Sau khi hoàn thành giao dịch này, số lượng cổ phiếu lưu hành của Công ty tăng từ 42.399.451 cổ phiếu lên 60.000.000 cổ phiếu. Theo đó, bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông được xác định lại là 60.000.000 cổ phiếu.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty và công ty con hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	226.210.950	226.210.950
Trên 1 - 5 năm	904.843.800	904.843.800
Trên 5 năm	2.262.109.500	2.488.320.450
TỔNG CỘNG	3.393.164.250	3.619.375.200

Ngoài ra, Công ty đang thuê 27.451 m² đất tại Lô 2A, Khu công nghiệp Bắc Phú Cát theo hợp đồng thuê hoạt động số 10/VC/HĐKT-TLĐKCNBPC ngày 30 tháng 5 năm 2008 với thời hạn thuê là 48 năm 7 tháng 19 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Tổng phí thuê đất và sử dụng hạ tầng là 14.686.208.747 đồng Việt Nam (đã bao gồm thuế GTGT 10%) và phí quản lý 3.500 đồng Việt Nam/m²/năm. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty còn phải thanh toán tiền thuê đất với số tiền là 4.343.104.373 đồng Việt Nam khi Công ty nhận bàn giao thực địa (đất có hạ tầng) theo quy định của hợp đồng này.

Kiến tụng

Trong tháng 5 năm 2013, Công ty đã nhận được đơn kiện của Công ty TNHH Cambria ("Cambria"), một công ty được thành lập tại Mỹ, về việc Công ty đã vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ khi bán một số sản phẩm của Công ty tại thị trường Mỹ. Vụ kiện này đang được Tòa án Quận của tiểu bang Minnesota thụ lý giải quyết.

Công ty đã chỉ định Sapiaientia Law Group PLLC là đại diện của Công ty trong vụ kiện này. Vào ngày 6 tháng 11 năm 2013, tòa án Quận Minnesota đã ra quyết định tạm dừng xử lý vụ kiện. Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng, hiện tại, chưa có đầy đủ cơ sở để trích lập dự phòng cho các khoản chi phí bồi thường, nếu có, cho vụ kiện này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày lập báo cáo hợp nhất này.

31. TRÌNH BÀY LẠI MỘT SỐ DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG

Một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty trình bày lại như nội dung được trình bày tại Thuyết minh số 29, chi tiết như sau:

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>31 tháng 12 năm</i>		<i>31 tháng 12 năm</i>	
	<i>2015 (đã được trình bày trước đây)</i>		<i>2015 (được trình bày lại)</i>	
	<i>Trình bày lại</i>			
Báo cáo kết quả kinh doanh riêng				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.637	(2.458)		6.179
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	8.637	(2.458)		6.179

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con.



Người lập biểu
Nguyễn Phương Anh



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Nga



Tổng Giám đốc
Phạm Anh Tuấn



Ngày 16 tháng 2 năm 2017



Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2017

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Quý cổ đông

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS (tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone) (mã CK: VCS) xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Quý cổ đông trong thời gian qua.

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS xin giải trình chênh lệch Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2016 (bao gồm báo cáo quý I/2016, quý II/2016, quý III/2016, quý IV/2016) đã công bố trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Ủy ban chứng khoán Nhà nước với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nhất năm 2016 sau khi soát xét của kiểm toán như sau :

Mã số	Chỉ tiêu	Số liệu trước kiểm toán		Số liệu sau kiểm toán		Chênh lệch	
		Năm 2016	Năm 2015 (trình bày lại)	Năm 2016	Năm 2015 (trình bày lại)	Năm 2016	Năm 2015
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	11,511	6,995	10,813	6,179	(698)	(816)
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	11,511	6,995	10,813	6,179	(698)	(816)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu sau kiểm toán năm 2016 và năm 2015 nhỏ hơn trước khi kiểm toán lần lượt là 698 đồng và 816 đồng, nguyên nhân do:

Theo thống nhất ban đầu của VCS STONE với Công ty kiểm toán Ernst & Young thì chỉ tiêu dùng để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu như sau:

- “Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu” năm 2016 và năm 2015 lần lượt là 53,706,977 cổ phiếu và 52,999,251 cổ phiếu
- Dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016 là: 57,751,975,644 đồng (8.5%/LNST), thực trích năm 2015 là: 33,911,219,245 đồng

Từ các chỉ tiêu này Công ty và kiểm toán đã tính ra được Lãi cơ bản và Lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2016 và năm 2015 (trình bày lại) lần lượt là 11,511 đồng và 6,995 đồng.

Nhưng sau khi Công ty đã công bố BCTC tự lập thì Công ty kiểm toán Ernst & Young đã thay đổi lại các chỉ tiêu để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu, cụ thể:

- “Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu” năm 2016 và năm 2015 đều là 60,000,000 cổ phiếu

- Dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016 là: 27,177,400,303 đồng (4.0%/LNST)

Từ các chỉ tiêu này kiểm toán đã tính ra được Lãi cơ bản và Lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2016 và năm 2015 (trình bày lại) lần lượt là 10,813 đồng và 6,179 đồng.

Như vậy, nguyên nhân dẫn đến chênh lệch chỉ tiêu Lãi cơ bản và Lãi suy giảm trên cổ phiếu trước kiểm toán và sau kiểm toán là do sự khác biệt về cách tính Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông và phần dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi.

Xin chân thành cảm ơn./.

Nơi nhận :

- Như trên
- Lưu Ban QHCD,
- Lưu VT, TCKT



TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Anh Tuấn



Số: 21 /2017 CV/VCS-QHCB

V/v: Giải trình Báo cáo kết quả

kinh doanh hợp nhất năm 2016

Hà Nội, ngày 16 tháng 2 năm 2017

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Quý cổ đông

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS (tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone) (mã CK: VCS) xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Quý cổ đông trong thời gian qua.

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2016 so với năm 2015, các chỉ tiêu biến động được giải trình như sau:

I. Chênh lệch trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

Mã số	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015 (trình bày lại)	Chênh lệch	Tăng/ giảm
10	Doanh thu thuần	3,211,489,780,383	2,616,164,952,027	595,324,828,356	22.76%
11	Giá vốn hàng bán	2,220,055,820,303	1,857,540,589,728	362,515,230,575	19.52%
20	Lợi nhuận gộp	991,433,960,080	758,624,362,299	232,809,597,781	30.69%
21	Doanh thu tài chính	25,934,115,295	25,512,052,408	422,062,887	1.65%
22	Chi phí tài chính	70,953,282,040	169,979,978,711	-99,026,696,671	-58.26%
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	50,242,971,449	81,066,518,606	-30,823,547,157	-38.02%
24	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	3,854,482,424	5,724,536,337	-1,870,053,913	-32.67%
25	Chi phí bán hàng	76,843,762,966	76,966,485,013	-122,722,047	-0.16%
26	Chi phí QLDN	59,392,155,625	55,523,519,008	3,868,636,617	6.97%
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	814,033,357,168	487,390,968,312	326,642,388,856	67.02%
31	Thu nhập khác	869,766,648	826,873,115	42,893,533	5.19%
32	Chi phí khác	1,140,985,779	9,004,133,907	-7,863,148,128	-87.33%
40	Lợi nhuận khác	-271,219,131	-8,177,260,792	7,906,041,661	-96.68%
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	813,762,138,037	479,213,707,520	334,548,430,517	69.81%
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	139,608,246,117	74,582,447,525	65,025,798,592	87.19%
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-1,827,825,932	-2,118,943	-1,825,706,989	86161.21%
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	675,981,717,852	404,633,378,938	271,348,338,914	67.06%



II. Nguyên nhân biến động

Năm 2016, VCS STONE tiếp tục tập trung vào phân khúc sản phẩm trung, cao cấp có giá bán cao. Bên cạnh đó, Công ty áp dụng các biện pháp quản lý sản xuất tốt, giá nguyên vật liệu đầu vào giảm làm giá thành sản xuất giảm. Nhờ vậy, Công ty đã đạt mức tăng trưởng lớn về doanh thu và lợi nhuận.

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty năm 2016 tăng 595,324,828,356 đồng (22.76%) so với năm trước, trong đó:

- Doanh thu nguyên vật liệu, phụ tùng tăng 4,436,880,248 đồng (0.85%)

- Doanh thu thành phẩm tăng 590,887,948,108 (28.17%) do giá bán bình quân và thị phần của Công ty tăng lên.

2. Giá vốn hàng bán tăng 362,515,230,575 đồng (19.52%) do số lượng sản phẩm bán ra tăng lên, tương ứng với doanh thu.

- Giá vốn nguyên vật liệu tăng 2,317,999,441 đồng (0.47%)

- Giá vốn thành phẩm tăng 359,707,336,001 đồng (25.99%)

3. Lợi nhuận gộp tăng 232,809,597,781 đồng (30.69%). Tỷ suất lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần tăng từ 29.00% (Năm 2015) lên 30.87% (Năm 2016). Nguyên nhân như đã trình bày ở trên: Công ty tập trung vào các sản phẩm mang lại hiệu quả cao và giá thành sản xuất giảm.

4. Doanh thu hoạt động tài chính tăng 422,062,887 đồng (1.65%) do các nguyên nhân sau:

- Lãi chênh lệch tỷ giá tăng 1,725,108,982 đồng (11.08%)

- Phát sinh khoản cổ tức được chia: 3,271,680,000 đồng, năm 2015 không phát sinh.

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay giảm 4,574,726,095 (-46.02%)

5. Chi phí tài chính giảm 99,026,696,671 đồng (-58.26%) do:

- Chi phí lãi vay giảm 30,823,547,157 đồng (-38.02%)

- Lỗ chênh lệch tỷ giá giảm 68,203,149,514 đồng (-76.71%)

6. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết liên doanh giảm 1,870,053,913 đồng do lãi được chia từ Công ty cổ phần chế tác đá giảm

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 3,868,636,617 đồng (6.97%) nguyên nhân chủ yếu:

- Chi phí dịch vụ mua ngoài tăng 6,267,068,813 đồng (76.67%)

- Chi phí nhân viên quản lý giảm 2,225,552,879 đồng (-8.51%)

8. Chi phí khác giảm 7,863,148,128 đồng (-87.33%) do năm 2015, theo kết luận thanh tra thuế năm 2009-2013, Công ty phải nộp phạt do tính thuế TNDN của năm 2009-2011 theo mức ưu đãi cao hơn mức được hưởng, số tiền là 8,568,714,298 đồng.



Như vậy, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2016 tăng 271,348,338,914 đồng tương ứng với 67.06% so với năm 2015 nguyên nhân do doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng, doanh thu tài chính tăng, chi phí tài chính giảm, chi phí khác giảm.

Xin chân thành cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Ban QHCD,
- Lưu VT, TCKT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Anh Tuấn

